

TRUNG GIANG KÝ SỰ – kỳ 4

Hành Vân

Sau khi rời Ngọc Hiệp về đến Tịnh xá Trung Tâm, tranh thủ mượn máy của Minh Kiên viết xong *Trung Giang Ký Sự – kỳ 3*, tôi nghĩ rằng đã đến lúc phải đi Phú Mỹ một chuyến.

Phú Mỹ, danh từ này có nghĩa là giàu đẹp, mà cái đẹp dùng với từ “mỹ” phải là cái đẹp đậm chất nhân văn. Giàu đẹp vật chất và tâm hồn là khát vọng chân chính của nhân loại, mà như tôi dù là một khát sĩ thì cũng nên xây dựng hơn là phê phán khát vọng đó. Dầu biết rằng khát vọng chính là động lực của luân hồi, nhưng khi luân hồi được xác định là để học hỏi, để rèn tâm, thì khát vọng sẽ được nhìn nhận khách quan hơn.

Tôi đi xe buýt từ Bến xe Chợ Lớn (*khi xưa hay viết Cholon*) xuống đến Bưu điện Long An, rồi đón xe ôm rẽ phải về thẳng Phú Mỹ. Người lái xe biết Tịnh xá Mộc Chơn đã nói với tôi rằng: “Bà cô ở đó giàu lắm, chắc có Việt kiều ủng hộ, mới cất cái chùa quá to!”. Tôi đích chính là tịnh xá mới do Giáo hội về cất để kỷ niệm chỗ Tổ sư lập đạo... Tôi đến tịnh xá khoảng 7 giờ sáng, đất ẩm ướt, nắng sớm chan hòa, bầu trời có nhiều mây, hai bên đường đi vào có mấy hàng chuối sứ xanh mướt đang tắm nắng. Tôi chụp vài cảnh rồi vào thẳng tịnh xá cũ tìm gặp Ni trưởng Đồng Liên. Ni trưởng đang chỉ cho mấy chú làm lại nền chánh điện. Ni trưởng mời tôi ngồi, bảo mấy cô dọn điểm tâm và ngồi chơi hỏi thăm vài chuyện khi tôi ăn sáng.



Tịnh xá Mộc Chơn mới (*hay Tịnh xá Mộc Chơn – Tăng?*)

Tôi hỏi Ni trưởng về chuyện trước đây, chuyện Tổ sư, các vị đệ tử đầu tiên của ngài, vì sao gọi là Mộc Chơn?... Ni trưởng chỉ biết vài chuyện, bởi ngày thường chẳng quan tâm tìm hiểu, do tâm nguyện của Ni trưởng trước sau chỉ là ở giữ chốn Tổ mà thôi. Ni trưởng về đây đầu năm 1973, mấy ngày sau lễ Giỗ Tổ, theo lời thỉnh nguyện của bà Chơn Ngọc: “Trò già rồi, đâu thể sống hoài mà giữ chốn Tổ. Trò mà mất rồi biết bọn nhỏ có giữ được không? Chi bằng sư cô về đây ở đi...”. Và Ni trưởng có cho hay là lớp cư sĩ đệ tử ban đầu của Tổ sư ở

đây **chỉ có mấy người**, pháp danh không dùng chữ “Thiện” mà dùng chữ “Phổ” như các ông Phổ Hiền, Phổ Quang, Phổ Minh, Phổ Tế... bây giờ đều đã mất hết. Tôi cảm thấy rất thú vị với thông tin nhỏ này, dù đã nghe qua tên ông Phổ Hiền khi ở Ngọc Hiệp.



Tịnh xá Mộc Chơn mới, đã xây dựng gần xong khu chánh điện – giảng đường và một căn nhà phía sau.

Sau đó, Ni trưởng kêu chú Huệ Minh cho tôi gặp. Tôi xin phép qua phía trước để dễ nói chuyện hơn, vì ở đây có tiếng đập gỗ quá ồn, rồi đi qua tịnh xá mới. Tôi tìm ghế đá ngồi đợi, lát sau chú Huệ Minh qua. Chú Huệ Minh là con út của ông bà Phổ Hiền – Chơn Ngọc, năm nay đã 62 tuổi, tục danh là Chín Oanh – Võ Hoàng Oanh. Chú phàn nàn là tên mình giống tên con gái; nhưng có lẽ người xưa dụng tâm đặt tên con xấu để mong con cái được sống lâu với cha mẹ, chính chú Huệ Minh cũng đã nói là hầu hết các anh chị của chú đều mất sớm. Cuộc đời chú Huệ Minh đã gắn bó trọn vẹn với Tịnh xá Mộc Chơn, do vậy chú được biết nhiều chuyện. Những chuyện chú biết do cha mẹ kể, hay do người anh bà con tên Tám Chắc kể, cùng những lần chú được chứng kiến hồi còn nhỏ... Trao đổi với chú Huệ Minh hơn một tiếng, tôi đã được biết nhiều thông tin mới thú vị.



Chú Chín Oanh, pháp danh Huệ Minh.

Như nói Tịnh xá Mộc Chơn, thì tại sao đặt tên tịnh xá lạ vậy? Trước khi xuống Phú Mỹ tôi đã điện thoại hỏi một thầy giỏi chữ Hán cổ ở chùa An Linh về nghĩa hai chữ “Mộc Chơn”. Thầy ấy chịu thua, vì tiếng Hán trái với tiếng Việt, tính từ “Chơn” phải nằm trước danh từ “Mộc” mới đúng. Tôi lại nghĩ rằng “Mộc Chơn” là “Mộc mạc chơn chất” chẳng? Đến khi hỏi ra, chú Huệ Minh nói hỏi đó anh Tám Chắc cũng đã hỏi Tổ, ngài mới nói: “Bộ ông không biết hay sao mà hỏi? “Mộc” là cái cây đó, “Mộc Chơn” là cái gốc cây Đạo của tôi.”... A, nếu vậy thì chữ “chơn” đã bị nói trại, từ đúng của nó phải là “Mộc Chân”¹. Nghe tôi nhận xét, chú Huệ Minh nhe răng cười, kể tiếp rằng năm sáu mấy Pháp sư có về đây, Phật tử vùng này về nghe giảng đông lắm. Có mấy vị hỏi: “Pháp sư làm Đạo lớn quá, sao không về đây trùng tu chôn Tổ?”, Pháp sư đáp: “Mộc Chơn là cái gốc cây, mà gốc cây thì nhỏ hơn tàng cây. Tôi nay làm tàng cây che trùm cái gốc...”, ai cũng cười...

¹ Thật ra từ Mộc Chân cũng bị tréo ngoe nửa Việt nửa Hán. Tóm lại Mộc Chơn là một từ do tác giả của nó sáng tạo, nên mọi người phải chấp nhận cách giải nghĩa của tác giả đó mà thôi.



Tòa Pháp tháp trong chánh điện Tịnh xá Mộc Chơn cũ, có 50 bóng đèn.

Tịnh xá Mộc Chơn cất xong vào Rằm tháng 8 năm 1952, có chánh điện hình tứ giác, trụ bằng gỗ dừa, vách bằng tre, mái lá đưng (*cổ tranh*). Ở giữa tịnh xá cũng có tháp thờ Phật bằng như ngày nay, nhưng bức tượng đức Thích-ca thờ trong đó nhỏ lắm (*chú Huệ Minh đưa tay mô tả tượng cao cỡ năm tấc*). Anh Tám Chắc đã từng hỏi Tổ tại sao tháp có 13 tầng mái, Tổ nói làm vậy sẽ thành 49 bóng đèn. Tôi suy nghĩ: 12 tầng gắn đèn ở bốn góc là 48 bóng, thêm tầng đỉnh chỉ có một bóng là 49 bóng đèn. Truyền thống cúng Phật Dược Sư là dùng 49 ngọn đèn, cách giải thích này cũng hay. Tuy vậy, có lẽ đó chỉ là nói nhất thời cho đối tượng nào đó, chứ phổ biến thì nhiều tháp ở các tịnh xá đâu có gắn bóng đèn như vậy và trong chơn lý *Luật Khất Sĩ*, Tổ sư đã dạy rằng: “Giữa tịnh xá xây tháp thờ Pháp của chư Phật quá khứ. Tháp phải 13 tầng, vì đức Như Lai là ngôi vị thứ 13 của chúng sanh tiến lên từ nấc.”.



Cổng Tịnh xá Mộc Chơn cũ

Tịnh xá Mộc Chơn tọa lạc tại ấp Phú Thạnh, xã Phú Mỹ, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang. Thời Pháp, vùng này thuộc quận Bến Tranh tỉnh Mỹ Tho. Thời Mỹ, vùng này thuộc quận Châu Thành tỉnh Định Tường. Cả huyện Tân Phước chỉ có một tịnh xá Khất Sĩ này, ngoài ra thêm được bốn cảnh chùa là chùa Long Hội, chùa Linh Phước (*chùa Phật Đá*), chùa Phú Khánh và chùa Linh Bửu. Bên tả Mộc Chơn có dòng sông Nguyễn Văn Tiếp trong veo bao bọc, cách tịnh xá khoảng vài trăm mét.

Theo *Lược Sử Kinh Nguyễn Văn Tiếp ở Đồng Tháp Mười* của Lê Công Lý, thì dòng kinh dài 105km này chảy từ sông Tiền qua sông Vàm Cỏ Tây, tức là phụ lưu của sông Tiền, được hình thành bởi bốn đoạn:

1. Kinh Tháp Mười, dài 60km, do Pháp cho đào bằng xáng thổi vào đầu thế kỷ XX, mục đích để thông thương giữa Sài Gòn và Miền Tây.
2. Kinh Tổng đốc Lộc, dài 20km, do ông Trần Bá Lộc vận động dân đào vào cuối thế kỷ XIX, nhằm khai thác khu trũng Đồng Tháp Mười trù phú.
3. Kinh Bà Bèo (*trước là Kinh Bàu Bèo*), dài 20km, do quân Tây Sơn đào vào cuối thế kỷ XVIII khi đánh nhau với quân của Nguyễn Ánh đang trốn trong vùng Tháp Mười (*xưa có tháp 10 tầng*).
4. Rạch Chanh là đoạn cuối cùng nối vào sông Vàm Cỏ Tây, một dòng rạch tự nhiên dài 5km.

Ông Nguyễn Văn Tiếp người Long An (1900 – 1947) là cố Chủ tịch Ủy ban Kháng chiến Hành chánh đầu tiên của tỉnh Mỹ Tho cũ. Do vậy tên ông đã được đặt cho dòng kinh quan trọng này – một con đường thủy giao thông chủ lực giữa Thành phố Hồ Chí Minh và miền Tây – để kỷ niệm, chứ ông chưa từng lãnh đạo ai đào một khúc kinh nào hết, theo như lời một số nông dân ở Phú Mỹ đã kể với tôi.

Từ Đồng Tháp, sông Nguyễn Văn Tiếp lấy nước dòng Cửu Long chảy qua địa phận Đồng Tháp và Tiền Giang rồi đổ vào sông Vàm Cỏ Tây tại Long An. Khi đến Phú Mỹ này thì sông Nguyễn Văn Tiếp chỉ còn chảy thêm năm, bảy cây số nữa sẽ hợp lưu với sông Vàm Cỏ Tây. Ngày nay, trước mặt tịnh xá cũ là Tịnh xá Mộc Chơn mới rộng gần 6000m². Còn trước mặt Tịnh xá Mộc Chơn mới là một tỉnh lộ nối liền Phú Mỹ với quốc lộ 1, một đầu thông ra Tân Hiệp, một đầu thông tới Tân An, Thủ Thừa, Mộc Hóa... Tỉnh lộ này vắt qua sông Nguyễn Văn Tiếp bởi một cầu đúc lớn, tên là Cầu Phú Mỹ. Hàng ngày, có nhiều chuyến xe buýt số 6 tuyến Mỹ Tho – Phú Mỹ xuôi ngược ngang đây.

Tôi hỏi chú Huệ Minh là hồi đó mọi người gọi Tổ sư bằng gì? Chú đáp:

– Lúc đầu gọi “chú Sáu”, sau vì trọng là người tu nên gọi “thầy Sáu”.

Gọi “chú Sáu” cũng đúng, vì ngài trẻ quá, thư sinh quá. Tôi hỏi tiếp:

– Thế khi nào mới gọi tên Minh Đăng Quang?

– Không ai biết ngài có pháp danh đó hết. Đến khi ngài về đứng tên xin phép cất Mộc Chơn, mọi người mới biết ngài là “Đại đức Minh Đăng Quang” theo như lời xưng ở cuối đơn xin phép.

Chú Huệ Minh cho biết Tám Chắc đồng tuổi với Tổ, thân với Tổ như bạn. Ông là người học cao ở đây nên thường hiểu được những lời Tổ giảng, rồi hay giải lại cho mọi người hiểu. Gia đình ông Tám Chắc theo đạo Cao Đài, nên khi ông xin quy y với Tổ, ngài bảo là không được, vì ngài không muốn người ta hiểu lầm ngài dụ dỗ đạo của họ.

Trong thời gian ở Phú Mỹ, Tổ cũng không ở suốt. Ngài hay vân du đây đó, thỉnh thoảng lại về Phú Mỹ giảng đạo cho mọi người. Đến khi có một số đệ tử Tăng, Ni xuất gia rồi, ngài đã đi các nơi mở đạo, hầu như không quay về Phú Mỹ nữa, ngoài một lần về làm đơn xin phép cất tịnh xá Mộc Chơn và vẽ họa đồ cho Phật tử xây dựng vào năm 1952 mà thôi.

Đến sau khi ông thủ tọa Đê của chùa Linh Bửu Tự từ trần, gia đình ông đã xuống mời thầy Sáu lên chùa ở. Thầy Sáu đã từ chối với lý do: “Tôi phải hoằng hóa chúng sanh, cần ở chỗ có người. Trên đó không có ai, tôi ở làm gì?”. Tuy không nhận lời, nhưng Tổ vẫn có lên Linh Bửu Tự ở một thời gian, khi nhận những đệ tử xuất gia đầu tiên.

Hồi đó, nhà chú Huệ Minh là vừa đậm (*đậm giống như tằm chiếu, đan bằng cọng bàng, thường không nhuộm màu*), ba của chú và người bạn là ông Bảy Tam thường chở đậm qua Miên bán. Khi ghé chỗ lò vôi của sư ông (*tức ông Lục-tà Keo*) để thăm sư ông và thăm ông nội thì gặp thầy Sáu tại đó. Ông nội chú Huệ Minh cũng theo sư ông tu hành, ở luôn và bỏ xác luôn bên đó. Lò vôi là sở chế biến vôi sông của sư ông, có nhiều người đến ở, ai tu thì tu, ai làm thì làm, đa phần đều là người Việt mình. Ba chú Huệ Minh, ông Phổ Hiền, có tục danh là ông Tư Nhu. Ông Tư Nhu ban đầu cũng tu theo sư ông, tóc bới, cho biết đạo của sư ông là đạo Bửu Sơn Kỳ Hương. Tôi hỏi:

– Ông Lục-tà Keo tu tà phải không?

Chú đáp:

– Chẳng biết là tà hay chánh, nhưng ông giỏi lắm.

Chú kể chuyện hồi đó có ông Tư đã xin cha cho mình theo sư ông tu, người cha mới nói: “Ông đó cũng vợ con như tao chứ có khác gì. Khi nào ông ỉa ra cứt thơm thì tao mới cho mày theo!”. Chuyện này nói giữa hai cha con đâu có ai biết. Ít lâu sau sư ông ghé thăm nhà họ, nghỉ qua đêm rồi sáng hôm sau đi mất. Người con tìm sư ông mà không thấy mới lại chỗ ông nằm, vén mùng lên, giữa giường có nguyên một đồng thơm phức! Tôi tò mò nhìn người kể, chú nhướn mắt thích thú nói tiếp cho rõ: “Mùi nhân chín!”. Tôi nghe chú nói mà cố nín để khỏi phì cười. Tôi không cười chú Huệ Minh, mà tôi cười chung người Nam Bộ có lối tư duy và cách phát ngôn diễn giải quá thật thà qua câu chuyện họ truyền tụng. Thật ra, dù nó thơm phức mùi nhân chín nhưng cũng là một đồng cứt người chớ gì, có dám lấy tay bốc không? Sư ông đó đến nhà người ta ở, đi không thềm chào, lại làm người ta mắc công giặt chiếu rửa giường!

Chú kể tiếp rằng sư ông có vợ con, kinh doanh làm ăn. Tổ ở lò vôi làm thư ký, nhưng sư ông vẫn cho Tổ vào chùa học kinh Phật. Chú băn khoăn là những chuyện này nói ra có làm người ta đánh giá rằng Tổ mình xuất thân từ đạo Bửu Sơn Kỳ Hương không? Tôi nói là khi ở bên Miên, Tổ sư học kinh Phật trong chùa chớ đâu có học phép thuật của sư ông ở lò vôi. Huống gì ngày xưa, ngài Sĩ-đạt-ta theo học thiền với hai đạo sĩ lưng danh đương thời là ông Ka-la-lam và ông Uất-đầu-lam-phát, mà sau ngài thành Phật Thích-ca có ai dám nói là ngài xuất thân từ đạo của hai ông kia đâu. Sư ông ở lò vôi chắc có đạo của ông ta, còn đạo của đức Minh Đăng Quang đã được xác định là Nổi truyền Thích-ca Chánh pháp, người trí tất sẽ không nhập nhằng giữa hai đạo này. Như nói rằng vạn pháp duyên sanh, thì sư ông của chú Chín Oanh ắt cũng có những đóng góp nhất định cho cuộc đời, mình chẳng nên dị nghị thiện ác mà phủ nhận ông ta. Hay nói như đức Khổng Tử: “Ba người đi chung tất có thầy ta trong đó. Chọn điều lành của thầy mà theo, trông điều sai của thầy mà sửa.”, (*Tam nhân đồng hành tất hữu ngã sư chi yên. Trạch kỳ thiện giả nhi tùng chi, kỳ bất thiện giả nhi cải chi.*) thì thiện ác gì cũng hữu ích cho người khéo học hỏi cả, đừng bận lòng về những kỳ nhân dị sĩ mà mình không dám chắc là tà hay chánh làm gì cho mệt.

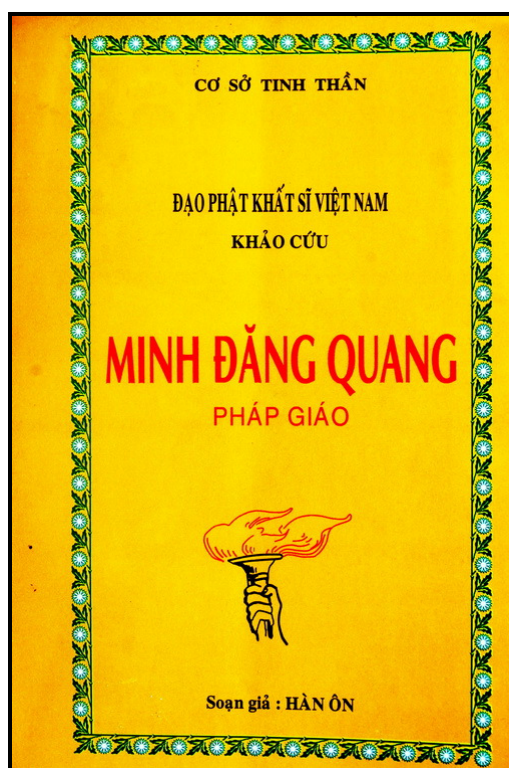
Chú kể một lần, khi cha chú Huệ Minh và ông Bảy Tam chuẩn bị về Phú Mỹ, thầy Sáu đã xin đi quá giang. Ngài muốn về Việt Nam hành đạo nhưng sư ông cản, nói là chưa đến lúc. Hai đêm liền thầy Sáu nói việc này, sư ông mới bảo là nếu đã vậy thì lần này chỉ về được khoảng 10 năm thôi. Khi đó, ông Phổ Hiền có chứng kiến.



Mộ ông bà Phổ Hiền – Chơn Ngọc trong khuôn viên Tịnh xá Mộc Chơn cũ.

Theo thông tin Tổ sư Minh Đăng Quang từ Miên về Phú Mỹ chung một chuyến với ba của chú Huệ Minh và ông Bảy Tam, tôi mới hỏi kỹ về địa phương họ đã khởi hành ở bên Miên, chú Huệ Minh đáp là tại lò vôi. Tôi hỏi tiếp lò vôi nào, ở đâu, thì chú chỉ nói chung đó là chỗ ông Lục-tà Keo ở. Vào lúc nhỏ, với sơ tâm tìm đạo, Nguyễn Thành Đạt (*tức Tổ sư Minh Đăng Quang sau này*) đã từng trốn nhà qua Miên ở chỗ ông Lục-tà Keo. Thời bấy giờ, ông Lục-tà Keo nổi tiếng ở xứ Mỹ Tho và vì nể mà mọi người đều gọi ông là sư ông. (*Sau này tôi mới biết, vốn chữ “lục-tà” đã có nghĩa là “sư ông”, mà mọi người lại quen gọi nó thành tên riêng của một người.*) **Sau bốn năm Thành Đạt đã về quê, lên Sài Gòn đi làm, có vợ, có một con gái, vợ con mất, quyết chí xuất gia tu hành, ngộ đạo ở Mũi Nai, về quê thăm gia đình, rồi lại ra đi...** Sự kiện ngài từ Miên về Phú Mỹ lập đạo nay tôi mới được nghe nói chi tiết. Ngài qua Miên lần thứ hai làm chi? Nói chớ đã có bốn năm gần bó, thì sau khi ngộ đạo Tổ sư về thăm lại lò vôi cũng là điều không khó hiểu.

Những sự kiện vắn tắt trong cuộc đời đức Tổ sư theo quyển *Minh Đăng Quang Pháp Giáo* đã nêu, tôi nhắc sơ lại cho chú Huệ Minh nghe. Có vẻ như chú chưa từng biết hết những thông tin đó. Tôi bèn hỏi chú đã đọc quyển *Minh Đăng Quang Pháp Giáo* chưa? Chú đáp là chưa biết. Tôi hứa có dịp sẽ gởi cho chú một quyển xem.



Đây là quyển do Chúng Minh Đăng Quang tái bản vào năm 2001, hình màu.

Minh Đăng Quang Pháp Giáo là tác phẩm của ông Hàn Ôn, hồi còn là đệ tử xuất gia của Tổ sư thì ông có pháp danh là Giác Hoàng. Tác phẩm này viết xong vào tháng 8 âm lịch năm 1960 tại Bình Định, còn đặt bút viết thì từ tháng 8 âm lịch năm 1956 tại Cần Thơ, sau khi sư Giác Hoàng từ giã hạnh khất sĩ. *Minh Đăng Quang Pháp Giáo* đã cung cấp tương đối nhiều thông tin về Tổ sư Minh Đăng Quang và Đạo Phật Khất Sĩ buổi đầu. Nhận xét về *Minh Đăng Quang Pháp Giáo*, Ni trưởng Trảng Liền (đệ tử Tổ sư, Trưởng đoàn Ni hiện nay) và hòa thượng Giác Giới (Trưởng Ban Thường Trực Hội đồng Giáo phẩm Hệ phái Khất Sĩ hiện nay) đã nói rằng sách này có một số chỗ không chính xác. Tôi chưa hỏi hai vị xem nó không chính xác ở chỗ nào. Nhân nhắc đến sách này ở đây thì tham khảo qua nội dung của nó một chút. *Minh Đăng Quang Pháp Giáo* có sáu phần chính và một phần phụ:

- Phần thứ I: Tiểu sử Tổ sư Minh Đăng Quang, từ nhỏ đến khi thành đạo
- Phần thứ II: Tổ sư Minh Đăng Quang lập đạo cho đời
- Phần thứ III: Tổ sư Minh Đăng Quang vắng bóng
- Phần thứ IV: Suu tầm những tinh hoa giáo lý của Đạo Phật Khất Sĩ
- Phần thứ V: Chú thích ảnh và suu tầm vài giai thoại về Tổ sư
- Phần thứ VI: Lời trần tình của tác giả
- Phần phụ: Trích bài *Đoàn Du Tăng* của Tổ sư và bài thơ *Tầm Mẹ*

Minh Đăng Quang Pháp Giáo mang nhiều nét sinh động, phong phú, có văn chương diễn tích, có lòng đối với Tổ và Đạo; tuy nội dung chưa đầy đủ hết và có một số thông tin chưa chính xác nhưng lâu nay được xem là một tác phẩm đáng kể. Hạn chế chính của *Minh Đăng Quang Pháp Giáo* là hạn chế của thời đại: đó là kiểu văn phong ngữ cách và lối trình bày trong in ấn vào thập niên

1950, 1960 ở Việt Nam, mà đến khi Chúng Minh Đăng Quang cho tái bản vào năm 2001 tại Thành phố Hồ Chí Minh thì cũng không có sửa đổi gì ngoài việc chuyển các hình thành hình màu (*dĩ nhiên có thêm vài lời tái bản*). Trong lời trần tình của tác giả ở cuối sách có đoạn: “Tuy rằng có trình bạch quý đại đức Tăng-già khát sĩ xem xét, nhưng quý ngài quá thanh tịnh không muốn chi hơn và giao phần trách nhiệm riêng tôi...”. Theo lời này thì quý Tăng, Ni không thể trách Hàn Ôn được, vì ông đã làm hết khả năng của mình rồi.

Chú Huệ Minh kể rằng khi về Phú Mỹ, Tổ nghỉ ở vườn nhà cha mẹ chú. Có lần Tổ đau, nói chỉ nghỉ vài bữa là khỏi, nhưng mẹ chú vẫn ra chợ mua hai thang thuốc Bắc. Khi mang thuốc về, Tổ rầy bà nhưng vẫn uống. Sáng hôm sau, Tổ ra nương tắm sớm. Lúc đó Tám Chắc chèo ghe ngang thấy, hỏi: “Sao nghe nói thầy đau mà lại ra tắm sớm vậy?”. Tổ đáp: “Tôi hết bệnh rồi. Tôi tắm rồi một lát lên giảng pháp cho mọi người nghe. Huynh gọi mọi người đến đông đông đi.”. Nói rồi Tổ bước lên bờ, da dẻ ngài trắng hồng, trông đẹp lắm. Tám Chắc đi gọi mọi người đến nghe. Lần đó Tổ đã giảng bài *Võ Trụ Quan*, không ai hiểu hết, Tám Chắc phải giải thêm cho mọi người hiểu. Sau đó Tổ đi lấy một tấm bìa, vẽ hình tròn lên đó, chú thích cho mọi người hiểu. Tấm bìa này đã được để trong nhà chú Huệ Minh suốt nhiều năm. Khi kể chuyện này với chú Huệ Minh, ông Tám Chắc lưu ý là lúc ở dưới nương, Tổ đã dùng từ “giảng pháp”, mà trước đó ngài hay dùng từ “giảng đạo”.

Tôi hỏi chú Huệ Minh một chuyện khác:

– Nghe nói bà Chơn Ngọc khó lắm, không ai về ở nổi, phải không?

Chú nhìn tôi một lát, rồi nói:

– Hồi đó, nghe kể ở đây là vùng chiến tranh, có cái bót (*đồn*) của Tây ở gần đây, cách khoảng hơn trăm mét chớ mấy, nên Tăng, Ni khó ở.

– Qua thời Ngụy thì sao?

– Cái bót vẫn còn. Lúc đó trò còn nhỏ, vùng này ban ngày là quốc gia, ban đêm là VC. Nói vậy chắc sư hiểu tình hình... Khi cất tịnh xá rồi thì Tổ giao cho mấy sư cô, mà Ni sư trưởng không ở đây lâu, hay dẫn đoàn đi nơi này nơi kia.

Và chú đã kể rằng có hai lần nhờ mẹ chú cứng rắn mới giữ được Mộc Chơn đến nay. Lần đầu là vào năm 65, 66 gì đó, bà Chơn Ngọc đã lên Tịnh xá Ngọc Phương xin Ni sư trưởng cho người về ở. Ni sư trưởng đã bảo là nếu tôi nhận thì sẽ dời đi chỗ khác, chớ ở đó chiến tranh ác liệt, các sư cô đâu ở được. Bà Chơn Ngọc nghe vậy mới thưa là xin về bàn với bà con Phật tử đã, một mình bà không nói chắc được. Lần thứ hai là vào năm 76, ông thầy lúc trước tu ở chùa Phú Khánh, sau Giải phóng hoàn tục đi làm bên chánh quyền đã đến nói là thời nay không được để nhiều chùa, chỉ để một vài chùa lớn thôi. Bà Chơn Ngọc mới hỏi: “Chùa lớn là chùa nào?” – “Chùa Phú Khánh.”. Bà đáp: “Nơi này là gốc của Tổ chúng tôi, có từ năm bốn mấy, xin phép xây dựng năm 1952 chớ phải mới đâu. Huống gì tịnh xá này thuộc Giáo hội Tăng-già Khất sĩ Việt Nam chớ phải của riêng tôi đâu. Chú muốn gì để tôi thưa Giáo hội đã...” Tôi hỏi: “Thế có chùa nào bị dẹp không?”. Chú Huệ Minh đáp: “Có chớ, như chùa

chỗ chú Chín Danh tu bên Tân Hòa Thành. Hồi đi tu chú có pháp danh là Minh Sách.”.

Chúng tôi đang ngồi chơi thì sư Minh Hằng đi khát thực về. Trông sư cười rạng rỡ chúng tôi là sư vừa được kinh nghiệm nhiều niềm pháp hỷ. Cũng vừa lúc đó, chú Chín Danh và chú Út Chùa qua chơi, sư Hằng nhờ họ đi dọn cốc cho tôi nghỉ. Lát sau, tôi rủ sư Minh Hằng qua thăm nhà chú Huệ Minh, để xin chụp hình ông bà Phổ Hiền – Chơn Ngọc kỷ niệm. Chú Huệ Minh đã đưa chúng tôi qua nhà, mời ngồi chơi uống nước dừa. Sau đó, chú có nhắc đến đại đức Giác Trí, về quyển luận văn tốt nghiệp *Sự Hình Thành Và Phát Triển Của Hệ Phái Khất Sĩ* mà đại đức đã làm vào năm 2001. Trong luận văn đó đã có trích đăng bài viết của chú Huệ Minh. Tôi mượn quyển luận văn xem sơ qua rồi gọi lại chú, trước đây tôi đã không đọc kỹ lắm quyển này. Trước khi về, tôi đến bàn thờ thắp nén hương tưởng niệm hai ông bà cụ Phổ Hiền – Chơn Ngọc, những người hộ pháp đầu tiên trong sự nghiệp hoằng dương Chánh pháp của đức Tổ sư Minh Đăng Quang.



Chân dung ông Phổ Hiền và bà Chơn Ngọc thờ tại nhà chú Huệ Minh

Trên đường bước qua tịnh xá, tôi đã nghĩ rằng Đạo vốn vô tướng, các bậc Đại sĩ đã làm cho Đạo có tướng là để tạo phương tiện tiếp dẫn chúng sanh. Việc làm của các ngài xưa nay thật là biết bao công trình chứ không đơn giản! Để hóa giải được lắm chuyện của chúng sanh thì cảnh đạo ở nhân gian này ắt cũng phải có lắm chuyện cần thiết đó. Mà lắm chuyện cỡ nào cũng đều là phương tiện tiếp dẫn, rốt cùng thì vẫn là Đạo vốn vô tướng!

Tp. Hồ Chí Minh, 9/2011.